

Số: 345/TB-THADSKV7

Gia Lai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

## THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Vu Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Hoàng Ngọc – Vietcombank)

Căn cứ thông báo số 258/TB-THADSKV7 ngày 13/8/2025 về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản kê biên vụ Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Hoàng Ngọc của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ đơn đăng ký tham gia đấu giá và hồ sơ năng lực của Công ty Đấu giá  
Hợp danh Gia Lai Kon Tum,

Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Gia Lai thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

## I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

**1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:** Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum – Địa chỉ: 41 Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi). Chi nhánh được ủy quyền: Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum tại tỉnh Gia Lai.

2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 100 điểm

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

## II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn):

| TT | NỘI DUNG                                                                             | MỨC TỐI ĐA   | Công ty Đấu giá hợp danh Gia Lai Kon Tum tại tỉnh Gia Lai |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|
| I  | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố   |              |                                                           |
| 1  | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố       | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện                                              |
| 2  | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố |              |                                                           |

|            |                                                                                                                                                                                       |             |             |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                 | <b>19,0</b> | <b>19,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                        | <b>10,0</b> | <b>10,0</b> |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                       | 5,0         | 5,0         |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                             | 5,0         | 5,0         |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                              | <b>5,0</b>  | <b>5,0</b>  |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0         | 2,0         |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                            | 3,0         | 3,0         |
| <b>3</b>   | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b>                                                            | <b>2,0</b>  | <b>2,0</b>  |
| <b>4</b>   | <b>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                               | <b>1,0</b>  | <b>1,0</b>  |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                   | <b>1,0</b>  | <b>1,0</b>  |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                          | <b>16,0</b> | <b>16,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                    | <b>4,0</b>  | <b>4,0</b>  |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                   | 2,0         | 2,0         |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                           | 2,0         | 2,0         |
| <b>2</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                               | <b>4,0</b>  | <b>4,0</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                             | <b>4,0</b>  | <b>4,0</b>  |
| 3.1        | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                            | 2,0         | 2,0         |
| 3.2        | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                             | 2,0         | 2,0         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|
| 4   | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                             | 4,0  | 4,0  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                 | 57,0 | 57,0 |
| 1   | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                      | 15,0 | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 12,0 |      |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                  | 13,0 |      |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                  | 14,0 |      |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 15,0 | 15,0 |
| 2   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                       | 7,0  | 7,0  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                           | 4,0  |      |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                      | 5,0  |      |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                      | 6,0  |      |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7,0  | 7,0  |
| 3   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí               | 7,0  | 7,0  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0  |      |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0  |      |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6,0  |      |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7,0  | 7,0  |
| 4   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</b><br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. | 3,0  | 3,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|     | Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm).                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                        | 3,0 | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                               |     |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên:<br>Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                   |     |     |
| 5   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                     | 7,0 | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0 |     |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0 |     |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0 |     |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7,0 | 7,0 |
| 6   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,0 |     |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0 |     |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0 | 4,0 |
| 7   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo</b> | 4,0 | 4,0 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|     | <p><b>Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng</b></p> <p><b>Ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản).</b></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>                                                                                                                                                            |     |     |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0 |     |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0 |     |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 | 4,0 |
| 8   | <p><b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0 | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |     |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0 |     |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0 | 5,0 |
| 9   | <p><b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước).</b></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p> | 5,0 | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0 |     |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0 |     |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,0 | 5,0 |
| V   | <p><b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để, đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)</p>                                                                                                                              | 8,0 | 8,0 |
| 1   | <p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <p>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản</p>                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0 | 3,0 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |            |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|
|                     | - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)                                                                                                                                                                                          |            |            |
| 2                   | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                            | 3,0        | 3,0        |
| 3                   | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 4,0        |            |
| 4                   | Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)                                                                                                                                                                             | 3,0        | 2,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>100</b> | <b>100</b> |

**CHẤP HÀNH VIÊN**

  
**Nguyễn Hồng Nam**

Mẫu số: D24-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP  
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 347/TB-THADSKV7

Gia Lai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá**

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/DSST-KDTM ngày 27/3/2024 và Thông báo sửa chữa quyết định công nhận số 02/TB-SCQĐCN ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 1638/QĐ-CCTHADS ngày 17/6/2024 và Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 40/QĐ-CCTHADS ngày 14/4/2025; Quyết định thi hành án số 1219/QĐ-CCTHADS ngày 08/4/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai);

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 69/QĐ-CCTHADS ngày 14/4/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai);

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 205/2025/THBM/232A ngày 16/6/2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Trung Hải Ban Mê;

Căn cứ thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản số 586/TB-CCTHADS ngày 26/6/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai);

Căn cứ thông báo số 258/TB-THADSKV7 ngày 13/8/2025 về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai lựa chọn: **Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum** – Địa chỉ: 41 Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi). Chi nhánh được ủy quyền: Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum tại tỉnh Gia Lai.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên của của ông Hồ Kim Tuấn và bà Trần Thị Ngọc Hà – Địa chỉ hiện nay: 200 Sư Vạn Hạnh, tổ 4, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là tổ 4 IaKring, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai) - là người có tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Hoàng Ngọc**, tài sản là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 111 (nay là số 317), tờ bản đồ số 48 tại tổ 4, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, đất có diện tích: 366,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CA 987270** do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/10/2015 đứng tên người sử dụng đất ông Hồ Kim Tuấn và bà Trần Thị Ngọc Hà.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 48 tại tổ 4, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, đất có diện tích: 76,6m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CQ 821851** do UBND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/01/2020 đứng tên người sử dụng đất ông Hồ Kim Tuấn và bà Trần Thị Ngọc Hà.

(Hiện trạng các tài sản theo biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Gia Lai)).

Vậy, thông báo để đương sự, tổ chức bán đấu giá tài sản biết. Đề nghị Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum liên hệ với Chấp hành viên để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Công ty Đấu giá Hợp danh Gia Lai Kon Tum;
- Lưu: VT, HSTHA.

